

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /11/2024
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh, rửa tay chân, nước thoát sàn.
- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động nấu ăn.
- Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động rửa bể, xả đáy bể lắng.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Mương nội đồng phía Bắc dự án tại xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản.

2.2. Dòng nước thải

01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tự chảy ra mương nội đồng phía Bắc dự án.

2.3. Vị trí xả nước thải

- Toàn bộ nước thải sau xử lý được dẫn chảy ra mương nội đồng phía Bắc dự án qua 01 cửa xả.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 2254784.38$; $Y(m) = 566068.61$ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $170 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

Toàn bộ nước thải phát sinh (từ 03 nguồn) được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi dẫn chảy ra mương nội đồng phía Bắc dự án theo phương thức tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải

Xả thải liên tục 24 h/ngày.đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với giá trị tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải được tính theo công thức $C_{\max} = C \times K_q \times K_f$ (Áp dụng hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$; đối với các thông số: pH, Coliform thì $C_{\max} = C$), cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
			C	C _{max}		
1	pH	-	5,5 - 9	5,5 - 9	06 tháng /lần (02 lần/năm) theo đề xuất và cam kết của Chủ dự án	Không thuộc đối tượng
2	Chất rắn lơ lửng	⁰ C	100	110		
3	COD	mg/l	150	165		
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	Pt-Co	50	55		
5	Amoni (theo N)	mg/l	10	11		
6	Sunfua	mg/l	0,5	0,55		
7	Clo dư	mg/l	2,0	2,2		
8	Tổng Photpho	mg/l	6,0	6,6		
9	Tổng Nito	mg/l	40	44		
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	11		
11	Coliform	mg/l	5.000	5.000		

Khi có sự thay đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ khu nhà vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ sẽ cùng với nước rửa tay, nước thoát sàn, nước tắm giặt thu gom bằng đường ống DN90 dẫn về bể lắng lọc cát sỏi để xử lý. Nước thải sau khi xử lý tại bể lắng lọc sẽ theo đường cống thoát nước chảy về hố ga khử trùng để diệt khuẩn trước khi thải ra ngoài môi trường

- Nguồn số 02: Nước thải khu vực nhà ăn qua lưới chắn rác về hố ga tách mỡ, sau đó được thu gom qua đường ống DN90 về bể lắng lọc cát sỏi để xử lý. Nước thải sau khi xử lý tại bể lắng lọc sẽ theo đường cống thoát nước chảy về hố ga khử trùng để diệt khuẩn trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình xử lý nước cấp được thu gom theo đường ống thoát nước ST350 về hố thu bùn hiện trạng và theo đường rãnh B300 chảy về hố thu bùn xây mới, tại hố thu bùn sau thời gian từ 2 - 3 giờ bùn được lắng xuống đáy bể, phần nước trong bên trên được chảy qua ống thu để dẫn vào hố ga khử trùng trước khi nước thải dẫn chảy ngoài môi trường.

Toàn bộ nước thải được thu gom và xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp mới thải ra mương nội đồng phía Bắc dự án qua 1 cửa xả.

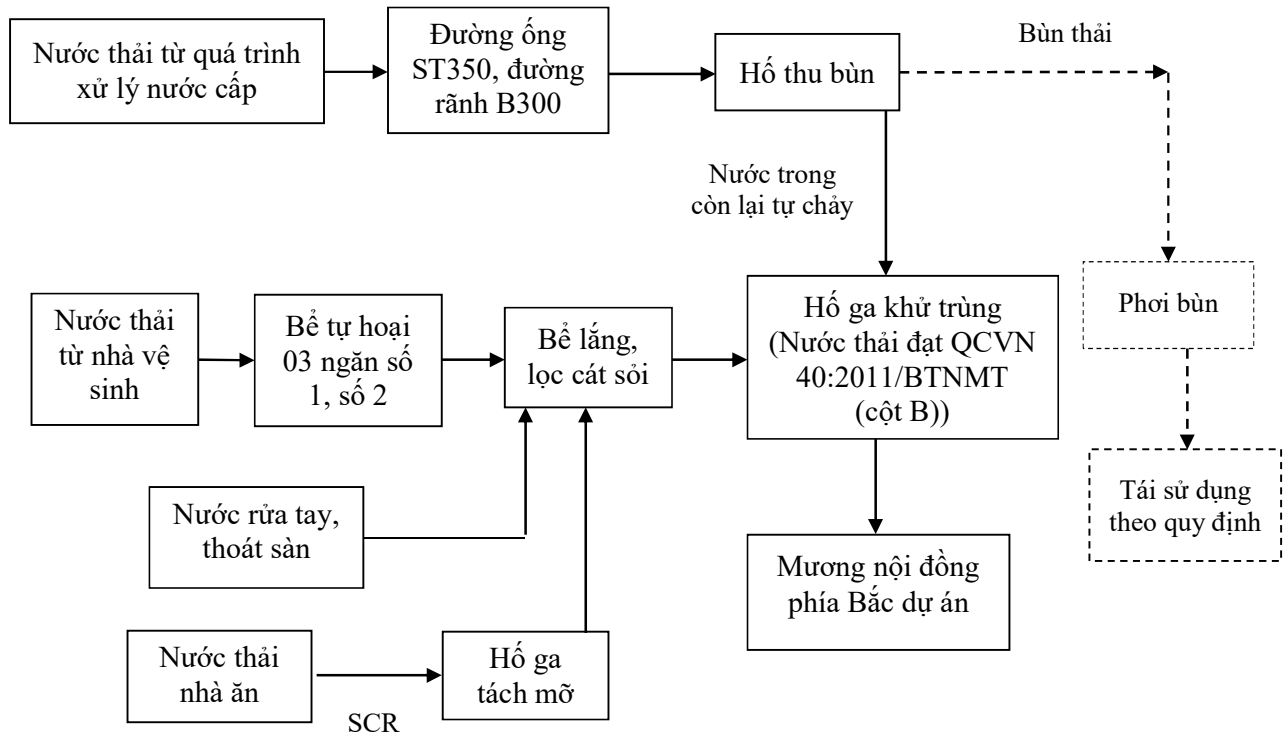
1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công trình xử lý nước thải sơ bộ

+ Nước thải nhà vệ sinh xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại có tổng thể tích 08 m³.

+ Nước thải nhà ăn xử lý sơ bộ qua hố ga tách mỡ có thể tích 0,2 m³.

Quy trình xử lý nước thải như sau



- Công suất thiết kế: 170 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Javen với khối lượng 62 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống xử lý nước thải và được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành; theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành; tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành trạm xử lý nước thải; có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ thiết bị, máy móc.

- Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, chủ dự án dùng các nguồn phát sinh nước thải để kiểm tra hệ thống bể xử lý và khắc phục sự cố. Sau khi sự cố được khắc phục, nước thải xử lý đạt quy chuẩn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) mới tiếp tục được dẫn chảy xả thải ra mương nội đồng phía Bắc dự án.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa 06 tháng (Dự kiến từ tháng 12/2024 đến hết tháng 5/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 170 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 mẫu, trong đó:

- 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể lắng lọc cát sỏi.

- 01 mẫu nước thải tại hố ga khử trùng của hệ thống xử lý nước thải trước khi dẫn chảy ra mương nội đồng phía Bắc dự án.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Ít nhất 01 ngày/lần (01 mẫu đầu vào tại bể lắng lọc cát, sỏi và ít nhất 01 mẫu đầu ra tại hố ga khử trùng của hệ thống xử lý nước thải trước khi chảy ra mương nội đồng phía Bắc dự án) trong 03 ngày liên tiếp (quy định tại Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Chủ dự án phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Vụ Bản trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm nước thải xử lý đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3. phần A Phụ lục này. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi: Chủ dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp mới tiếp tục xả nước thải vào mương nội đồng phía Bắc dự án; đồng thời thực hiện quan trắc, giám sát môi trường đối với nước thải theo như nội dung cam kết.

3.3. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án phải báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Vụ Bản.

3.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này phải thực hiện theo Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết./.